

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 24/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Khang;

Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2018/TLST-HS, ngày 01 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Chí T, sinh năm 1977, tại tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú: khu phố A, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn K và bà Lưu Thị T1; vợ: Đặng Lê Cẩm T2 (đã ly hôn) và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01 ngày 01 tháng 12 năm 2016; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Thanh P (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Lê Kim Y (vợ bị hại), sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp LH, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An; có mặt.

Bị đơn dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên vận tải hành khách T3; trụ sở: ấp NH, xã CL, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; người đại diện hợp

pháp: Bà Ngô Thị Tuyết L, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp NP, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh – chức vụ: Giám đốc; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Chí T là tài xế công ty T3 được công ty giao xe ô tô biển số 60B-002.85 để đưa rước công nhân. Vào ngày 01/10/2016, do xe ô tô biển số 60B-002.85 bị hư nên T lấy xe ô tô khách loại 51 chỗ, biển số 70B-031.88 của Công ty chở công nhân lưu thông trên Tỉnh lộ 787A theo hướng từ khu công nghiệp Thành Thành Công về thành phố Tây Ninh. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi đến khu vực “Cầu Quan” thuộc ấp An Hội, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, T nhìn thấy có khoảng 05 xe mô tô lưu thông cùng chiều phía trước nên điều khiển xe chuyển hướng sang làn đường bên trái để vượt qua đụng vào xe mô tô biển số 61T5-1182 do anh Nguyễn Thanh P điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại, làm anh P ngã xuống đường, anh P được mọi người đưa đi cấp cứu tại trung tâm y tế huyện Trảng Bàng nhưng đã tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 157/2016/TT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Tây Ninh, kết luận: Nguyễn Thanh P bị tử vong do chấn thương não.

Tại Kết luận giám định số 151/GTR.2016 ngày 06/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, xác định: Nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Thanh P là 169mg/100ml máu.

*** Trách nhiệm dân sự:**

Lê Chí T đã bồi thường số tiền 35.000.000 đồng, bà L đại diện công ty Tiền Thanh Tân hỗ trợ số tiền 80.000.000 cho chị Lê Kim Y (vợ bị hại).

Tại phiên tòa bị cáo Lê Chí T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên. Bị cáo đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Y N, sinh ngày 10/12/2003 và cháu Nguyễn Phong Phú, sinh ngày 02/6/2010 (con bị hại P) mỗi tháng số tiền 1.400.000 đồng (700.000đồng/tháng/cháu).

Đại diện hợp pháp của bị hại chị Y trình bày: Bị cáo và bà L đã bồi thường cho chị số tiền 115.000.000 đồng. Chị không yêu cầu bồi thường thêm. Chị yêu cầu bị cáo T cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu P1 mỗi tháng số tiền 1.400.000 đồng (700.000đồng/tháng/cháu). Đại diện bị hại mong Hội đồng xét xử không xử phạt tù bị cáo để bị cáo có điều kiện cấp dưỡng nuôi con bị hại. Chị đã nhận lại xe mô tô biển số 61T5-1182 và không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Đại diện bị đơn dân sự bà L trình bày: Do bà không biết bị cáo T không có giấy phép lái xe theo quy định vì tin tưởng bị cáo bà không kiểm tra giấy phép lái xe. Bà đã hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000 đồng. Bà đã nhận lại xe ô tô

khách loại 51 chỗ, biển số 70B-031.88 và không có yêu cầu khác.

Cáo trạng số 14/CT-VKS, ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Lê Chí T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thay đổi điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội: Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Lê Chí T từ 30 đến 36 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị cáo và bà L đã bồi thường cho đại diện bị hại số tiền 115.000.000 đồng. Về cấp dưỡng nuôi con bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo thấy rằng: Vào lúc 18 giờ ngày 01/10/2016, bị cáo T không có giấy phép lái xe theo quy định đã có hành vi điều khiển xe ô tô khách loại 51 chỗ, biển số 70B-031.88 chạy không đúng phần đường quy định và vượt xe không đúng quy định nên gây ra tai nạn làm cho anh P tử vong. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ.

Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào ngày 01/10/2016 (trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực pháp luật); mức hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 so với mức hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là như nhau. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thay đổi điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Điều 202 Bộ

luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm an toàn giao thông làm thiệt hại đến tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông ở địa phương.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể:

Tính chất vụ án rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại rất lớn cho xã hội. Cần xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện việc bị cáo không có tiền án tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại một phần thiệt hại. Gia đình bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có cha là ông Lê Văn Khôi được Nhà nước tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng 3”, “Huân chương chiến sĩ giải phóng”. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nhẹ hơn theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Đối với bà L có hành vi giao xe ô tô khách loại 51 chỗ cho bị cáo T điều khiển gây tai nạn nhưng bà L không biết bị cáo T không có giấy phép lái xe theo quy định nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 604, 610, 623 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Ghi nhận đại diện bị hại đã nhận số tiền bồi thường 115.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thêm.

Về cấp dưỡng: đại diện bị hại yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu P1 (con bị hại) mỗi tháng số tiền 700.000 đồng/tháng/cháu. Bị cáo đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu P1 nên ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Ghi nhận bà L đã nhận lại xe biển số 70B-031.88 và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Ghi nhận chị Y đã nhận lại xe biển số 61T5-1182 và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 98 và 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Chí T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Chí T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 604, 610, 623 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Ghi nhận đại diện bị hại đã nhận số tiền 115.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Y N, sinh ngày 10/12/2003 và cháu Nguyễn Phong P1, sinh ngày 02/6/2010 mỗi tháng số tiền 1.400.000 đồng (700.000 đồng/tháng/ mỗi trẻ), kể từ ngày 01/10/2016 đến khi cháu N, cháu P1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98 và 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Bị cáo Lê Chí T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, chị Y, bà L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm